

Số: **41** /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày **11** tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 317/TTr-STC ngày 11/7/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;
- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp;
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tại Điều 12 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.”

- Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các khoản phí, lệ phí có tên trong Danh mục kèm theo Luật phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, khi ban hành cần đảm bảo: *“2. Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”*

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên, đồng thời thực hiện sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện các quy định của Luật phí và lệ phí, HĐND các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quy định về lệ phí đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về lệ phí tại mỗi địa phương theo quy định.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên.

Chính phủ đã ban hành các Nghị định: Số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp; Số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính; Số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

Tại Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, tại mục 3 Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

“Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo nghiên cứu, thực hiện xử lý văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm phù hợp với phương án tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Tại Công văn số 11/UBND-NC ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập) về việc thực hiện áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành, tại mục 2 UBND tỉnh chỉ đạo:

“Trên cơ sở danh mục văn bản được cung cấp, các sở, ngành khẩn trương rà soát, đánh giá để xác định các nghị quyết, quyết định tiếp tục được áp dụng hoặc bãi bỏ hoặc ban hành mới để tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành; đặc biệt quan tâm đến các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với nhóm đối tượng trẻ em, người yếu thế, người có công với cách mạng, cán bộ cơ sở và các chính sách đặc thù của tỉnh nhằm đảm bảo tính công bằng, thống nhất trong triển khai chính sách, thời gian hoàn thành trước ngày 31/12/2025,...”

Tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

"1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn".

Từ những căn cứ nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu, nộp, quản lý lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp và thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đúng thẩm quyền ban hành; đảm bảo công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết; các nội dung quy định của Nghị quyết phải phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, có tham khảo một số địa phương khác và quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 11/UBND-NC ngày 01/7/2025 về việc thực hiện áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành.

Ngày 06/7/2025, UBND tỉnh có Tờ trình số 15/TTr-UBND gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 34/HĐND-VP ngày 09/7/2025 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn, ngày 10/7/2025, UBND tỉnh đã có Văn bản số 324/UBND-KT giao Sở Tài chính chủ trì triển khai xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn. Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 91/BC-STP ngày 11/7/2025.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức và cá nhân khi thực hiện hoặc được cung cấp dịch vụ công phải thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bố cục của dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều, Quy định gồm 08 Điều và 05 Phụ lục kèm theo.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

a) Ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ban hành mức thu, các trường hợp miễn, giảm, đối tượng thu, nộp và việc quản lý, sử dụng đối với 05 lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm: Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng; Lệ phí đăng ký kinh doanh và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

b) Đối với Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết gồm 08 Điều và 05 Phụ lục:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Lệ phí hộ tịch

Điều 3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Điều 4. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng

Điều 5. Lệ phí đăng ký kinh doanh

Điều 6. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Điều 7. Trường hợp giảm mức thu lệ phí

Điều 8. Thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại lệ phí

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Thời gian trình ban hành: Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không.

(Có Dự thảo Nghị quyết và tài liệu kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

Sonnk/QĐ.T7/15b



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hoàng Sơn

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,
quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.
- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Số 30/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Số 02/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 quy định miễn thu một số khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

5. Nội dung quy định tại khoản 10, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nội dung quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 22 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và quy định tại khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức và cá nhân khi thực hiện hoặc được cung cấp dịch vụ công phải thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Lệ phí hộ tịch

1. Quy định mức thu (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Người nộp lệ phí:

Người thực hiện nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp được miễn lệ phí:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ, chấm dứt giám hộ; kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Tổ chức thu: Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Quy định mức thu (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Người nộp lệ phí: Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Tổ chức thu: Sở Nội vụ.

Điều 4. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng

1. Quy định mức thu (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

2. Người nộp lệ phí:

Chủ đầu tư các công trình xây dựng, chủ hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

3. Trường hợp được miễn lệ phí:

a) Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Các trường hợp phải cấp lại, cấp đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu:

a) Sở Xây dựng: Thu lệ phí đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

b) UBND cấp xã: Thu lệ phí đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

Điều 5. Lệ phí đăng ký kinh doanh

1. Quy định mức thu (*chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

2. Người nộp lệ phí:

Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

3. Trường hợp được miễn lệ phí:

a) Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Miễn lệ phí đăng ký kinh doanh đối với trường hợp phải cấp lại, cấp đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu:

UBND cấp xã hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

Điều 6. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Quy định mức thu *(chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)*.

2. Người nộp lệ phí:

Các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Trường hợp được miễn lệ phí:

a) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

b) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Việc miễn lệ phí đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn quy định tại điểm này không áp dụng trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc tỉnh nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn.

c) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Các trường hợp phải cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thu lệ phí đối với các thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu của các tổ chức trong nước; tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

b) Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thu lệ phí đối với các thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của các tổ chức.

c) UBND cấp xã thu lệ phí đối với các thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu của cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

d) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thu lệ phí đối với các thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân.

Điều 7. Trường hợp giảm mức thu lệ phí

Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại lệ phí

1. Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính có thu lệ phí thực hiện thu lệ phí, lập và cấp chứng từ thu lệ phí theo quy định của pháp luật. Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai và nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện quyết toán năm theo quy định của pháp luật. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật thì nộp lệ phí khi có đề nghị giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trừ các trường hợp được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật. Người nộp lệ phí được lựa chọn thực hiện nộp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến qua các cổng dịch vụ công của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng lệ phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND
ngày tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Phụ lục I
QUY ĐỊNH MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Đối với việc đăng ký hộ tịch trong nước		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	7.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	đồng	7.000
3	Kết hôn (Đăng ký lại kết hôn)	đồng	25.000
4	Nhận cha, mẹ, con	đồng	15.000
5	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đồng	15.000
6	Xác định lại dân tộc	đồng	28.000
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	10.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	7.000
II	Đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	70.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	đồng	70.000
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	đồng	1.200.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng	70.000
5	Nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	đồng	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	28.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	70.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	đồng	70.000

Phụ lục II
QUY ĐỊNH MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: Đồng/giấy phép

STT	Nội dung	Mức thu
1	Cấp giấy phép lao động	600.000
2	Cấp lại giấy phép lao động	450.000
3	Gia hạn giấy phép lao động	450.000

Phụ lục III
QUY ĐỊNH MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: Đồng/giấy phép

STT	Đối tượng	Mức thu
1	Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	75.000
2	Các công trình khác	150.000
3	Gia hạn giấy phép xây dựng	15.000

Phụ lục IV
QUY ĐỊNH MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: Đồng/lần cấp, bản

STT	Nội dung	Mức thu
1	Hộ gia đình, hợp tác xã	150.000
2	Liên hiệp hợp tác xã	300.000
3	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	30.000
4	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	3.000

Phụ lục V
QUY ĐỊNH MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		
			Hộ gia đình cá nhân		Tổ chức
			Các phường	Các xã	
I	Cấp mới (cấp lần đầu) giấy chứng nhận				
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Giấy	25.000	10.000	100.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Giấy	100.000	50.000	500.000
II	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận				
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Lần	20.000	10.000	50.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Lần	50.000	25.000	50.000
III	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Lần	25.000	10.000	30.000
IV	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Lần	15.000	7.000	30.000

Số: 91/BC-STP

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**
- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.
- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 10/7/2025 kèm theo Công văn số 250/STC-QLGDN ngày 10/7/2025 của Sở Tài chính.
- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo quy định.

Phần thứ nhất
NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Phù hợp.

II. SỰ PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là đúng thẩm quyền.

2. Căn cứ ban hành

Phù hợp.

3. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Ngày 13/6/2025, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Kết luận số 167-KL/TW về Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025.

Trên cơ sở đó, để thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tại khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*"; tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC: "*Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân*".

Việc tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp.

4. Sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp); Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong đó một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra là: "*Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện*".

Cơ quan thẩm định đánh giá, việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đảm bảo sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

5. Về tên gọi văn bản

Đề nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo nghị quyết như sau: Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Về nội dung văn bản

- Về các mức thu lệ phí

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Phí và lệ phí, lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này. Đối với các mức thu lệ phí quy định tại dự thảo, cơ quan thẩm định đánh giá các mức thu này đã được cơ quan soạn thảo xây dựng trên cơ sở mức thu lệ phí hiện hành, đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân, cơ bản đáp ứng nguyên tắc xác định mức thu lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Về quy định người nộp lệ phí: để đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, chính xác của văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 6 dự thảo quy định theo hướng như sau:

+ Đối với quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 2: Người thực hiện nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

+ Đối với quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 6: Các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo quy định các trường hợp miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tuy nhiên nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 "Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn. Mức thu áp dụng theo mức thu đối với hộ gia đình cá nhân thuộc khu vực khác tại quy định trên" không phải quy định về trường hợp miễn lệ phí, đề nghị rà soát và điều chỉnh cho phù hợp.

- Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” hoặc “Ủy ban nhân dân cấp xã” (không sử dụng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã, phường”) tại dự thảo.

- Các quy định hiện hành của pháp luật không có khái niệm "cung cấp dịch vụ công trực tiếp". Do đó, để đảm bảo tính chính xác, đề nghị điều chỉnh quy định

tại Điều 7 dự thảo quy định như sau: Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này.

7. Về hiệu lực thi hành

Phù hợp.

8. Về nơi nhận văn bản

Phù hợp.

9. Nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành văn bản

Nguồn lực để đảm bảo thực hiện Nghị quyết được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (ví dụ: không in đậm nội dung "Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, miễn, giảm..." tại Điều 1 dự thảo nghị quyết; trình bày Phụ lục ban hành kèm theo theo Mẫu số 19. Phụ lục ban hành kèm theo văn bản QPPL...).

Phần thứ hai KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Đăng ký xây dựng Nghị quyết: đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 34/HĐND-VP ngày 09/7/2025 và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Văn bản số 324/UBND-KT ngày 10/7/2025.

- Về đăng thông tin nội dung dự thảo: đã thực hiện theo quy định.

- Văn bản QPPL xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn không quy định phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo hồ sơ dự thảo văn bản đến Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (tham mưu);
- Giám đốc Sở;
- Phó Giám đốc (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 316 /STC-QLGDN
V/v báo cáo giải trình, tiếp thu ý
kiến thẩm định văn bản QPPL

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên.

Theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 91/BC-STP ngày 11/7/2025 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính báo cáo giải trình, tiếp thu cụ thể như sau:

TT	Nội dung ý kiến	Nội dung giải trình, tiếp thu
1	Đề nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo nghị quyết như sau: <i>Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</i>	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định
2	Về quy định người nộp lệ phí: để đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, chính xác của văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 6 dự thảo quy định theo hướng như sau: - Đối với quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 2: <i>Người thực hiện nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.</i> - Đối với quy định người nộp lệ phí tại khoản 2 Điều 6: <i>Các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</i>	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định
3	Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo quy định các trường hợp miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tuy nhiên nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 <i>"Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn. Mức thu áp dụng theo mức thu đối với hộ gia đình cá nhân thuộc khu vực khác tại quy định trên"</i> không phải quy định về trường hợp miễn lệ phí, đề nghị rà soát và điều chỉnh cho phù hợp.	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định

4	Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân các xã, phường</i> ” hoặc “ <i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i> ” (không sử dụng cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân cấp xã, phường</i> ”) tại dự thảo.	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định
5	Các quy định hiện hành của pháp luật không có khái niệm “ <i>cung cấp dịch vụ công trực tiếp</i> ”. Do đó, để đảm bảo tính chính xác, đề nghị điều chỉnh quy định tại Điều 7 dự thảo quy định như sau: <i>Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này.</i>	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định
6	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (ví dụ: không in đậm nội dung “ <i>Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, miễn, giảm...</i> ” tại Điều 1 dự thảo nghị quyết; trình bày Phụ lục ban hành kèm theo theo Mẫu số 19. Phụ lục ban hành kèm theo văn bản QPPL...).	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định

(Có bản dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu của Sở Tài chính đối với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp vào Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, QLGDN(Hiền).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Trọng Tấn

Số: 317 /TTr-STC

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;
- Luật Phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp;
- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý

Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tại Điều 12 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.”

- Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các khoản phí, lệ phí có tên trong Danh mục kèm theo Luật phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, khi ban hành cần đảm bảo: *“2. Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”*

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên, đồng thời thực hiện sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện các quy định của Luật phí và lệ phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền

của HĐND cấp tỉnh quy định về lệ phí đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về lệ phí tại mỗi địa phương theo quy định.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên.

Chính phủ đã ban hành các Nghị định: Số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp; Số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính; Số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

Tại Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, tại mục 3 Thủ tướng chính phủ chỉ đạo:

“Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo nghiên cứu, thực hiện xử lý văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm phù hợp với phương án tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Tại Công văn số 11/UBND-NC ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên mới về việc thực hiện áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành, tại mục 2 UBND tỉnh chỉ đạo:

“Trên cơ sở danh mục văn bản được cung cấp, các sở, ngành khẩn trương rà soát, đánh giá để xác định các nghị quyết, quyết định tiếp tục được áp dụng hoặc bãi bỏ hoặc ban hành mới để tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành; đặc biệt quan tâm đến các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với nhóm đối tượng trẻ em, người yếu thế, người có công với cách mạng, cán bộ cơ sở và các chính sách đặc thù của tỉnh nhằm đảm bảo tính công bằng, thống nhất trong triển khai chính sách, thời gian hoàn thành trước ngày 31/12/2025, ...”

Tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

"1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

a)...

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn".

Từ những căn cứ nêu trên và thực hiện Công văn số 11/UBND-NC ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh về việc áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu, nộp, quản lý lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp và thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đúng thẩm quyền ban hành; đảm bảo công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết; các nội dung quy định của Nghị quyết phải phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, có tham khảo một số địa phương khác và quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Công văn số 11/UBND-NC ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên mới về việc thực hiện áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ngày 04/7/2025, Sở Tài chính đã có Văn bản số 76/STC-QLGDN gửi các sở, ngành phối hợp xây dựng đề án thu lệ phí thuộc thẩm của HĐND tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị.

Ngày 04/7/2025, Sở Tài chính có Tờ trình số 93/TTr-STC gửi HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 06/7/2025 gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 34/HĐND-VP ngày 09/7/2025 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn và nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Văn bản số 324/UBND-KT ngày 10/7/2025 về việc triển khai xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn, trên cơ sở đề án thu lệ phí của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến tại Văn bản số 211/STC-QLGDN ngày 08/7/2025 đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính; trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 91/BC-STP ngày 11/7/2025, Sở Tài chính đã có Văn bản số 316/STC-QLGDN ngày 11/7/2025 tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức và cá nhân khi thực hiện hoặc được cung cấp dịch vụ công phải thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bố cục của dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều, Quy định gồm 08 Điều và 05 Phụ lục kèm theo.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

a) Ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ban hành mức thu, các trường hợp miễn, giảm, đối tượng thu, nộp và việc quản lý, sử dụng đối với 05 lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm: Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng; Lệ phí đăng ký kinh doanh và Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Điều 2. Tổ chức thực hiện

b) Đối với Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết gồm 08 Điều và 05 Phụ lục:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Lệ phí hộ tịch;

Điều 3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Điều 4. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng;

Điều 5. Lệ phí đăng ký kinh doanh

Điều 6. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Điều 7. Trường hợp giảm mức thu lệ phí

Điều 8. Thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại lệ phí

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Thời gian trình ban hành: Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không.

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Thủ trưởng cơ quan trình chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh/Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết;

2. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;

3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

4. Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo;

5. Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGDN (Hiennntt)

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc